

Nguyễn Công Trứ - người dệt mẫu hình “tay ngất ngưỡng” từ những trang đời ông Hy Văn

BÀI LÀM

1. Nguyễn Công Trứ (1778- 1858) tên tục là Củng, tự Tồn Chất, hiệu Ngô Trai, biệt hiệu Hy Văn, người làng Uy Viễn (nay là xóm Lam Thủy, xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh). Nguyễn Công Trứ là nhân vật “công thành”, “thân thoái” khá muộn trong lịch sử danh nhân Việt Nam. Ngoài bốn mươi tuổi mới đỗ đạt và làm quan, và lần thứ hai ở tuổi “thất thập” ông xin cáo quan về hưu mới được nhà vua chấp nhận. Có thể hình dung cuộc đời của ông Hy Văn là là đầy ắp những trang đời về sự kiện: giữ chức hành tẩu ở Quốc sử quán, giữ các chức tri huyện Đường Hào ở Hải Dương, Tư nghiệp quốc tử giám, Tham tán quân vụ, Thị lang Bộ hình, Hữu tham tri bộ hình, Dinh điền sứ, Bó chánh sứ Hải Dương, Tham tri Bộ binh, Tổng Đốc Hải An, Tuần phủ tỉnh An Giang, làm lính thú ở biên thùý, làm chủ sự Bộ hình, quyền Án sát Quảng Ngãi, làm ở Phủ thừa phủ Thừa Thiên v.v.v...và đến năm 1847 ông được thăng làm Phủ Doãn. Năm 1848, ông cáo quan về hưu. Từ thừa “bạch diện thư sinh” cho đến “thượng quan”, “trí sĩ” gắn liền hàng loạt chuỗi sự kiện mang nhiều biến cố trong cuộc đời ông Hy Văn mà chính Nguyễn Công Trứ đã dệt nên mẫu hình tay ngất ngưỡng.

Trong sự nghiệp thơ văn của mình, Nguyễn Công Trứ dành cho mảng thơ “Tự thuật ” một vị trí quan trọng: thuật về chuyện đi thi, chuyện làm quan, chuyện thăng, giáng chức, chuyện cầm-kì-thi-tửu, chuyện “trong phận sự” và chuyện “ngoài vòng cương tỏa” v.v.v... Ở cương vị và hoàn cảnh nào, vẫn lừng lững một Hy Văn “tài bộ” và một “tay ngất ngưỡng” Nguyễn Công Trứ.

2. Trong Tiếng Việt, ngất ngưỡng là từ dùng để chỉ, hiểu theo các nghĩa sau :

Thứ nhất, ngất ngưỡng để chỉ một tư thế tồn tại ở vị trí chênh vênh trên cao, lắc lư, dễ ngã, dễ đổ.

Thứ hai, nghĩa của từ ngất ngưỡng còn để biểu thị một cách sống, lối sống, thái độ sống, thậm chí khinh bạc, thách thức với các chuẩn mực thông thường.

Từ ngất ngưỡng nếu hiểu, dùng ở nghĩa thứ nhất thì nét nghĩa từ vựng lại nhằm khắc họa một tư thế, hoạt động còn hiểu theo nghĩa thứ hai lại là sự biểu thị một tích cách, quan niệm sống (tuy nhiên giữa tư thế, hoạt động và tính cách một con người nhiều khi lại đề chiếu lên nhau, khó lòng tách bạch, cái này là sự biểu hiện cái kia và ngược lại). Ở Hy Văn, từ ngất ngưỡng với đích dùng nghĩa thứ hai. Ngất ngưỡng trong quan niệm của con người là những điều khác với lẽ đời, khác với chuẩn mực sống của thời đại. Ông Hy Văn là người ngất ngưỡng - khác đời, nhưng với Nguyễn Công Trứ, những trang đời của Hy Văn còn khẳng định ông là một tay ngất ngưỡng- hơn đời. Cái khác đời của ông được minh chứng bằng những trang đời ngất ngưỡng: khi “vinh hoa, phú quý” lúc thì “trảm giam hậu”, lúc “thăng”, lúc “giáng” cũng có khi cái “khác đời” đang chênh vênh, chực ngã thì cái “hơn đời” lại nâng đỡ Hy Văn. Ông Hy Văn hành đạo cũng giống như nghệ sĩ xiếc trên sợi dây thăng bằng, có lúc lắc lư, chao đảo tưởng chừng như chực đổ trong rạp xiếc quan trường nhưng bằng tài năng của người nghệ sĩ và lớn hơn là bản lĩnh hơn đời, Nguyễn Công Trứ luôn trụ vững và để lại nhiều ấn tượng sâu đậm cho đời trong những khắc thời gian nghiêng ngả. Chỗ đứng ấy không những không làm ông “lắc lư, dễ đổ, dễ ngã” mà trái lại, nó trở thành điểm tựa, điểm nhấn cho mẫu hình ông Hy Văn càng thêm vững chãi và còn cao hơn chuẩn mực thông thường. Với Hy Văn, “thăng” có cái vinh của “thăng”, “giáng” có cái quang của “giáng”, “hành đạo” có cái nghĩa của con người xã hội, “hành lạc” có cái lí của con người cá nhân. Vì vậy, với ông cái gì cũng là “phận sự” : “Vũ trụ nội mạc phi phận sự” (trong trời đất, không có cái gì là không liên quan đến ta) và hành đạo hay hành lạc đều mang cốt cách của con người ngất ngưỡng.

3. Một trong những lời tuyên ngôn về quan niệm và lí tưởng sống - bản

tổng kết về cuộc đời của ông chính là *Bài ca ngất ngưỡng*. Bài thơ được sáng tác khi ông cáo quan về quê. Cáo quan về hưu là lúc ông thoát ra “vòng cương tỏa” và dịp để ông bước vào “thế giới tự do”, khép lại chặng đường của con người phận vị để mở ra hành trình cho con người cá nhân, giã từ vị trí một “Thượng quan” để tận hưởng thời gian của một “Trí sĩ”. Bao trùm lên bài thơ là giọng điệu khẳng định, thách thức của nhân vật trữ tình trong tâm thế ngất ngưỡng: ngất ngưỡng trong tư thế của một thượng quan, ngất ngưỡng khi làm một trí sĩ cưỡi bò vàng, ngất ngưỡng lúc đến thăm cửa Phật và ngất ngưỡng khi làm xong “đạo sơ - chung”. Tay ngất ngưỡng ấy càng trở nên sinh động và thành thực hơn khi được cộng hưởng bởi hình thức thể loại hát nói-một điệu thức của ca trù “thể thơ của con người cá nhân và tự do” [1], “một thể thơ thông dụng trong ca trù thể hiện một con người tài tử thoát khỏi vòng cương tỏa, thoát sáo, thoát tụy lục, danh lợi, nắm lấy phút vui hiện tại” [2]. Ở bài thơ này, yếu tố nhạc và thơ xoắn xuýt vào nhau, chất thơ và chất văn xuôi có dịp tự tình trong nhịp phách réo rắt, các, tùng mà người cảm châu là Tướng công Uy viễn. Như được dịp cởi bỏ cái chật chội của khuôn phép nhà Nho hành đạo, lồ lộ hiện ra một nhà Nho tài tử dập dìu trong tiếng nhạc, cung đàn:

“Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,

Không Phật, không Tiên không vương tục.”

Quả thật, “trong nghệ thuật chơi này, không có sự phân biệt quá rõ giữa người hát và người nghe, tất cả cảm thấy đều là nghệ sĩ. Tất cả cảm thấy mình đang sống trong một không gian khác, tạm thời siêu thoát khỏi không gian xã hội chật hẹp câu thúc, gò bó đầy lễ nghi phiền toái, giả tạo.”[3]. Lời tuyên ngôn, bản tổng kết về cuộc đời của Nguyễn Công Trứ là hành trình ngất ngưỡng từ những trang đời của Hy Văn. Với Nguyễn Công Trứ, cái gọi là chuẩn mực của cuộc sống đương thời không trùng khít với quan niệm sống và cao hơn nữa là lí tưởng của ông, nên suốt một đời Hy Văn đành làm

một con người “lệch chuẩn”. Nói cách khác, ở ông là sự tồn tại kiểu con người “không lờ” về tư tưởng mà chiếc áo chuẩn mực cũn cỡn của xã hội bấy giờ không che nổi người lực sĩ tính cách Nguyễn Công Trứ. Ngát ngưỡng - khác đời nhưng không phải là cách sống của kiểu người lập dị, ngổ ngáo, ngạo ngược mà ngát ngưỡng ở Hy Văn là ngát ngưỡng của một con người có tài và nhân cách sống cao đẹp. Vẻ đẹp của một nhà Nho dám sống “vì đời” và “vì mình”, luôn “tận hiến” và biết “tận hưởng”, một lí tưởng sống đứng cao hơn cách sống của thói đời. Như một sở nguyện, Nguyễn Công Trứ đến với thơ văn là đến với cuộc đời thứ hai của mình để thỏa mãn “*Chí nam nhi*” và hát lên “*Bài ca ngát ngưỡng*” về con người, “khác biệt với dòng tư tưởng *Phải có danh gì với núi sông*, Nguyễn Công Trứ còn bộc lộ cả những tiếng nói trữ tình, đa tình và đa tài. Nguyễn Công Trứ quả đã tạo lập và hoàn thiện mẫu hình ông ngát ngưỡng”. [4]. Vì thế, qua những trang đời của mình, ông càng khẳng định và thủy chung với quan niệm, lí tưởng sống mà bản thân hướng tới. Mặt khác, Hy Văn còn ngang nhiên thách thức với đời :

“Chẳng Trái, Nhạc, cũng vào phường Hàn, Phú

Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung,

Trong triều ai ngát ngưỡng như ông !”

Hy Văn ngát ngưỡng với đời không chỉ vì ông là người khác đời và hơn đời ở chức danh, phận vị cao, thấp, nếm trải cảnh thăng, giáng thất thường và cách vượt lên thói đời để :

“Được mất dương dương người thái thượng,

Khen chê phơi phới ngọn đông phong.”

Mà với Hy Văn, ngát ngưỡng còn là sự thủy chung trong lối hành xử của kẻ sĩ “hoàn danh”, “vẹn đạo”- “Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung”. Thói đời khác ông và ông đứng trên thói đời - sự tỏa sáng trong phương châm xử thế của một nhà Nho nhân cách. Cho nên, ông là người dám sống tận cực và chấp nhận cách sống hết mình “vì đời” và “vì mình”.

Cội rễ ngất ngưỡng ở Hy Văn là sự thức tỉnh con người cá nhân trong mọi phạm vi “dường như ông đã tạo được cho mình một sự thoải mái tận độ trong mọi trạng thái tâm lí, tinh thần và vươn đến cái tự do có thể. Con người cá nhân và nhu cầu trần thế có thể có trong văn học Việt Nam trung đại đến Nguyễn Công Trứ là một bước phát triển đột xuất. Thơ văn của ông là sự khẳng định con người cá nhân trên mọi phương diện của lí tưởng kẻ sĩ và lí tưởng nhân sinh” [5]. Trong quan niệm của Hy Văn thì không có gì thuộc về con người mà lại xa lạ đối với con người. Vì vậy, cuộc đời của Hy Văn là hành trình của con người ngất ngưỡng đi tìm những giá trị về lí tưởng của kẻ sĩ và lí tưởng nhân sinh. Trên con đường đi tìm lí tưởng ấy, “con người hành đạo” và “con người hành lạc” được thức tỉnh triệt để về ý thức cá nhân. Chính vì thế, ở chôn quan trường hay khi là một hưu quan thì với Hy Văn vẫn là một con người nhất quán - thống nhất trong các thế cực.

4. **Nguyễn Công Trứ là hiện tượng “Tiền-hậu bất kiến”, một nhà văn** độc đáo trong văn học dân tộc Việt Nam, một danh nhân đặc sữ, một sự tích tụ giá trị văn hóa nhân loại và kết tinh của một trào lưu nhân đạo mới mẻ trong văn học trung đại. Điều đó cũng không ngoại trừ “quá trình diễn tiến tư tưởng của Nguyễn Công Trứ từ quan niệm chí nam nhi đến triết lí hành lạc là quá trình sụp đổ hoàn toàn của lí tưởng xã hội ở nhà thơ này.”[6]. Nếu thế, Hy Văn là người xác lập ra một lí tưởng mới - lí tưởng nhân sinh ? Và như vậy, *ngất ngưỡng* là tuyên ngôn sống, thái độ sống và lí tưởng sống của con người, một định ngữ cho nhân sinh mà cả cuộc đời Nguyễn Công đã “phổ” vào cây đàn độc điệu để hát lên “*Bài ca ngất ngưỡng*” vì con người. Và mẫu hình “*tay ngất ngưỡng*” được dệt từ trang đời của Hy Văn, và nó chính là hình mẫu cho Nguyễn Công Trứ và con người trần thế hướng đến. Một hình mẫu con người xã hội và con người cá nhân, một mẫu hình mà chủ nghĩa nhân văn từng vươn tới. Về điểm này, Nguyễn Công Trứ vượt xa thời đại ông và gần gũi hơn với thời đại chúng ta.

Chú thích:

- [1]. Trần Đình Hượu, *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, H, 1995.
- [2]. Trần Đình Sử, *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [3]. Trần Nho Thìn, *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nhà xuất bản Giáo Dục, 2003.
- [4]. Nguyễn Hữu Sơn, *Văn học trung đại Việt Nam - Quan niệm con người và tiến trình phát triển*, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, 2005.
- [5]. Biện Minh Điền, *Sự thống nhất những đối cực trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Công Trứ*, Tạp chí Khoa học, Tập XXXV, Số 3B, Trường Đại học Vinh, 2006.
- [6]. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVIII- hết thế kỉ XIX)*, Nhà xuất bản Giáo Dục, 1999.